

Số: /QĐ-SLĐTBXH

Long An, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2015 vào hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh Xã hội;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO 9001 : 2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Danh mục tài liệu nội bộ thuộc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2015 áp dụng tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”

Điều 2. Giao cho Ban chỉ đạo xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 : 2015 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai áp dụng và theo dõi, giám sát, kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu quy định. Cán bộ, công chức, viên chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo các quy trình xử lý công việc đã được phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 456/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng thuộc Sở, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Sở, Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc ISO 9001: 2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, VP (Hùng).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Mai

**DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ HTQLCL THEO TCVN ISO 9001:2015
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SLĐTBXH ngày 15/10/2024
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
1	Mô hình HTQLCL	MHHT
2	Chính sách chất lượng	CSCL
3	Mục tiêu chất lượng của Sở và các phòng ban	MTCL
4	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT GDNN-01
5	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT GDNN-02
6	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT GDNN-03
7	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT GDNN-04
8	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT GDNN-05
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT GDNN-06

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT GDNN-07
11	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	QT GDNN-08
12	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	QT GDNN-09
13	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT GDNN-10
14	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT GDNN-11
15	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT GDNN-12
16	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT GDNN-13
17	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	QT GDNN-14
18	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	QT GDNN-15
19	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT GDNN-16
20	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT GDNN-17
21	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT GDNN-18

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
22	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT GDNN-19
23	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	QT GDNN-20
24	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	QT GDNN-21
25	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	QT GDNN-22
26	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	QT GDNN-23
27	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	QT GDNN-24
28	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT GDNN-25
29	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	QT GDNN-26
30	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	QT BTXH-01
31	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-02
32	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-03
33	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-04
34	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-05

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
35	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT BTXH-06
36	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	QT VL-01
37	Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT VL-02
38	Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT VL-03
39	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT VL-04
40	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	QT VL-05
41	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	QT VL-06
42	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	QT VL-07
43	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT VL-08
44	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT VL-09
45	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT VL-10
46	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT VL-11
47	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT VL-12
48	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT VL-13
49	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT VL-14

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
50	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT VL-15
51	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT VL-16
52	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	QT VL-17
53	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	QT VL-18
54	Giải quyết hỗ trợ học nghề	QT VL-19
55	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	QT VL-20
56	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	QT VL-21
57	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT LĐNN-01
58	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	QT LĐNN-02
59	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	QT LĐTL-01
60	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	QT LĐTL-02
61	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT LĐTL-03
62	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT LĐTL-04
63	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT LĐTL-05
64	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT LĐTL-06
65	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	QT LĐTL-07
66	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	QT LĐTL-08
67	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	QT LĐTL-09
68	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	QT ATVSLĐL-01

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
69	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	QT ATVSLĐL-02
70	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	QT ATVSLĐL-03
71	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	QT ATVSLĐL-04
72	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động	QT ATVSLĐL-05
73	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	QT ATVSLĐL-06
74	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT NCC-01
75	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	QT NCC-02
76	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT NCC-03

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
77	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	QT NCC-04
78	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	QT NCC-05
79	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	QT NCC-06
80	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	QT NCC-07
81	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	QT NCC-08
82	Hưởng lại chế độ ưu đãi	QT NCC-09
83	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	QT NCC-10
84	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	QT NCC-11
85	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	QT NCC-12
86	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT NCC-13
87	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT NCC-14
88	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	QT NCC-15
89	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT NCC-16

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
90	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT NCC-17
91	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT NCC-18
92	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT NCC-19
93	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT NCC-20
94	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT NCC-21
95	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT NCC-22
96	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT NCC-23
97	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT NCC-24
98	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT NCC-25
99	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT NCC-26
100	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT NCC-27
101	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT NCC-28
102	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT NCC-29

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
103	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT NCC-30
104	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT NCC-31
105	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT NCC-32
106	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT NCC-33
107	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT NCC-34
108	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT NCC-35
109	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT TNXH-01
110	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT TNXH-02
111	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT TNXH-03
112	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT TNXH-04
113	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT TNXH-05
114	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT TNXH-06
115	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT TNXH-07
116	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT TNXH-08
117	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	QT TE-01